

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-PT

Ngày: 04-01-2021

“Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn .
- Các Thẩm phán: Ông Văn Công Dân; Ông Nguyễn Duy Thuần.
- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Xuân Hải – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
- Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 275/2020/TLPT-DS ngày 12/11/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2020/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea H’leo, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 266/2020/QĐ-PT ngày 07/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 245/2020/QĐ-PT ngày 23/12/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn T – sinh ngày 02/9/1960; trú tại: Tổ dân phố 9, thị trấn Đ, H, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- Bị đơn: Ông Trần Bình T1 – sinh năm 1962 (có mặt); bà Hồ Thị H - sinh năm 1967(vắng mặt); Cùng trú tại: Thôn 3, xã S, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.
- Người kháng cáo: Ông Trịnh Văn T là nguyên đơn trong vụ kiện.
- Cơ quan kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Nguyên đơn ông Trịnh Văn T là nguyên đơn trình bày:*** Ngày 05/6/2018 ông T1 mua của ông T 80.000 kg phân vi sinh x giá 3.350 đ/kg = 268.000.000 đồng, thời hạn trả tiền ngày 30/12/2018.

Ngày 14/9/2018 ông T1 mua của ông T 3.800 kg phân vi sinh x giá 3.350 đ/kg = 12.730.000 đồng, thời hạn trả tiền ngày 30/12/2018.

Tổng cộng số tiền mà ông T1 nợ ông T là 280.730.000 đồng, tính đến ngày 06/6/2019 ông T1 đã thanh toán cho ông T 189.800.000 đồng. Hiện ông T1 còn nợ lại ông T 90.930.000 đồng, ông T yêu cầu ông T1 trả trong thời hạn sớm nhất và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Đối với yêu cầu phản tố của ông T1, yêu cầu ông T trích lại cho ông T1 37.771.000 đồng tiền hoa hồng trong việc mua bán phân, ông T đồng ý trích lại cho ông T1 số tiền này, nhưng ông T yêu cầu ông T1 phải trả tiền còn nợ cho ông T thì ông T mới trừ tiền hoa hồng cho ông T1.

***/ Bị đơn ông Trần Bình T1 là bị đơn trình bày:** Ông T1 công nhận là có ký giấy xác nhận còn nợ tiền mua phân bón của ông T và nợ ông T số tiền 280.730.000 đồng như ông T trình bày, ông T1 hẹn trả nợ vào ngày 30/12/2018. Sau đó ông T1 đã trả cho ông T được 189.800.000 đồng và cuối năm 2019 ông T1 trả cho ông T thêm 12.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ, nên ông T1 chấp nhận còn nợ ông T tổng cộng là 90.930.000 đồng.

Số phân mà tôi mua của ông T về tôi bán lại cho các hộ dân trong xã để hưởng tiền hoa hồng, nhưng do hiện nay các hộ dân mua phân của tôi chưa trả tiền nên tôi chưa trả nợ được cho ông T.

Nay ông T khởi kiện, ông T1 yêu cầu ông T trích lại tiền hoa hồng cho ông T1 là 37.771.000 đồng và khấu trừ vào số tiền nợ, còn lại bao nhiêu ông T1 sẽ trả dứt điểm cho ông T vào cuối năm 2020. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T1 cho rằng ông vẫn đồng ý giữ nguyên thỏa thuận của các bên về việc ông T sẽ thanh toán tiền chiết khấu cho ông sau khi ông T1 thanh toán hết công nợ cho ông T.

Tiền ông T1 nợ là tiền mua bán phân hưởng hoa hồng nhưng ông T yêu cầu tính lãi suất ông T1 không đồng ý.

***/ Bị đơn bà Hồ Thị H là bị đơn trình bày:** Bà H là vợ ông T1, bà H cho rằng: Việc chồng bà H ký hợp đồng mua bán phân bón với ông T không liên quan gì đến bà H. Vì chồng bà H lấy phân bón của ông T về bán lại cho các hộ dân trong xã để hưởng tiền hoa hồng, gia đình bà H không sử dụng, nên ông T khởi kiện yêu cầu bà H cùng ông T1 trả nợ cho ông T, bà H không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 60/2020/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 430; Điều 440 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn T.

Buộc ông Trần Bình T1 trả cho ông Trịnh Văn T 91.435.000 đồng (chín mươi một triệu, bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng), trong đó: Tiền nợ gốc 90.930.000 đồng và tiền nợ lãi 505.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Bình T1.

Buộc ông Trịnh Văn T trả cho ông Trần Bình T1 37.771.000 đồng (ba mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi một nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2020, nguyên đơn ông Trịnh Văn T kháng cáo với nội dung: Bản án chỉ buộc bị đơn phải trả lãi suất cho ông từ ngày 30/12/2018 đến ngày 10/01/2019 là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông. Ngoài ra, buộc ông T phải thanh toán tiền hoa hồng cho ông T1 37.710.000 đồng là sai: Vì ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng nên ông T không phải trả tiền hoa hồng này. Và Tòa án xác định đây là yêu cầu phản tố là không đúng mà đây chỉ là ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau đó, nguyên đơn ông Trịnh Văn T xin thay đổi nội dung kháng cáo và chỉ kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm tính toán lại lãi suất vì cấp sơ thẩm chỉ tính lãi suất 10 ngày là không đúng và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 28/10/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 1047/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung: Bản án sơ thẩm chỉ tính lãi suất 10 ngày và không tính lãi suất theo từng giai đoạn là không đúng; việc tuyên buộc trả hoa hồng nhưng không tuyên trả sau khi ông T1 có nghĩa vụ trả nợ cho ông T là thiếu sót là không đúng với sự thỏa thuận của các bên. Tòa án sơ thẩm chỉ buộc ông T1 trả nợ mà lại tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T là không đúng. Theo khởi kiện ban đầu ông T yêu cầu trả 100.930.000 đồng nhưng sau đó ông T chỉ yêu cầu 90.930.000 đồng nhưng cấp sơ thẩm không đình chỉ đối với việc rút một phần đơn khởi kiện của ông T là thiếu sót. Vì vậy, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá lời khai của các đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng kháng cáo của nguyên đơn ông Trịnh Văn T là có căn cứ để chấp nhận một phần. Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 1047/QĐKNPT-VKS-DS của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự - Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 60/2020/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Trịnh Văn T và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk trong hạn luật định là hợp pháp nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay người kháng cáo là ông Trịnh Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Hồ Thị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Trịnh Văn T và bà Hồ Thị H.

Xét nội dung xin thay đổi nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Trịnh Văn T chỉ kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm tính toán lãi lãi suất. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi nội dung kháng cáo không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên căn cứ khoản 1, 2 Điều 284 BLTTDS để chấp nhận việc thay đổi nội dung kháng cáo của ông T.

[2]. Về nội dung: Ông Trịnh Văn T khởi kiện yêu cầu ông Trần Bình T1, bà Hồ Thị H có nghĩa vụ trả cho ông số nợ 100.930.000 đồng; cùng với việc khởi kiện ông T đã xuất trình chứng cứ là “Biên bản đối chiếu công nợ hợp đồng mua bán phân bón Hồng Lam năm 2018” ngày 05/6/2018 thể hiện ông Trần Bình T1, bà Hồ Thị H nợ ông T số tiền mua phân bón là 268.000.000 đồng và hẹn thanh toán vào ngày 30/12/2018. Cho đến nay ông T khởi kiện và xác định ông T1, bà H còn nợ ông 90.930.000 đồng. Chứng cứ này được các bên thừa nhận và thống nhất. Do đó, chứng cứ mà ông T xuất trình để khởi kiện là hợp pháp. Vì vậy, Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ.

[3]. Xét kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

[3.1]. Xét kháng nghị cho rằng án sơ thẩm chỉ tính lãi suất của số tiền chậm trả từ ngày 30/12/2018 đến ngày 10/01/2019 là không đúng. Hội đồng xét xử thấy rằng theo thỏa thuận của các bên thì có thỏa thuận lãi suất 6%/tháng và thời hạn quá hạn không quá 10 ngày. Xét thấy, việc thỏa thuận các bên lãi suất 6%/tháng là quá cao và cấp sơ thẩm không chấp nhận mức lãi suất thỏa thuận này là có căn cứ. Tuy nhiên, việc chỉ tính lãi suất chỉ 10 ngày và không căn cứ vào từng giai đoạn thanh toán là chưa phù hợp làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của ông T. Do đó, cần tính toán lại lãi suất cho phù hợp. Cụ thể như sau:

Lãi suất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn từ ngày 07/6/2019 đến ngày 13/01/2020 (số nợ 100.930.000 đồng): $100.930.000đ \times 20\%/năm \times 07 \text{ tháng } 06 \text{ ngày} = 12.111.600 \text{ đồng}$.

Lãi suất từ ngày 14/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2020 (ngày 14/01/2020 ông T1 trả cho ông T được 10.000.000 đồng nên số nợ còn lại là 90.930.000 đồng): $90.930.000đ \times 20\%/năm \times 08 \text{ tháng } 16 \text{ ngày} = 12.932.267 \text{ đồng}$.

Tổng cộng nợ lãi là: 25.043.867 đồng.

Tổng cộng cả nợ gốc và nợ lãi là: 115.973.867 đồng.

Về trách nhiệm trả nợ: Hội đồng xét xử thấy rằng trong biên bản đối chiếu công nợ thể hiện có vợ ông T1 là bà Hồ Thị H là người mua hàng. Quá trình giải quyết vụ án ông Trần Bình T1 xác định lấy phân của ông T về bán lại cho các hộ dân để lấy hoa hồng. Tuy nhiên, ông T1 cho rằng số tiền hoa hồng này ông chỉ tiêu xài cá nhân, không phục vụ kinh tế gia đình là không có căn cứ. Do đó, cần buộc bà Hồ Thị H, ông Trần Bình T1 liên đới trả khoản nợ cho ông Trịnh Văn T là có căn cứ.

Bản án sơ thẩm tuyên về lãi suất trong giai đoạn thi hành án là chưa đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Bởi lẽ, các bên có thỏa thuận về lãi suất, do đó lãi suất vẫn được tính kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm, do đó cần tuyên lại cho đúng quy định: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2]. Xét kháng nghị cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T phải trả hoa hồng cho ông T1 nhưng không tuyên rõ: “Chỉ buộc ông T phải trả số tiền hoa hồng sau khi ông T1 thanh toán toàn bộ số nợ cho ông T là không đúng với thỏa thuận của các bên”. Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo “*Biên bản đối chiếu công nợ hợp đồng mua bán phân bón hồng lam năm 2018*” thể hiện các bên có cam kết: “*Chiết khấu 450.000đ/tấn, sau khi thanh toán xong công nợ*”. Tại phiên tòa hôm nay ông T1 vẫn thống nhất giữ nguyên thỏa thuận này của các bên. Do đó, việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận nhưng bản án sơ thẩm không ghi nhận là thiếu sót. Việc kháng nghị này là có căn cứ.

[3.3]. Xét kháng nghị cho rằng việc ban đầu ông T khởi kiện yêu cầu ông T1, bà H trả 100.930.000 đồng nhưng sau đó chỉ yêu cầu trả 90.930.000 đồng nhưng án sơ thẩm không đình chỉ đối với phần rút yêu cầu này là thiếu sót. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại thời điểm khởi kiện ông T1, bà H còn nợ 100.930.000 đồng nhưng sau đó ông T đã thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện: Chỉ yêu cầu ông T1, bà H phải trả cho ông T số nợ 90.930.000 đồng và lãi suất. Việc thay đổi nội dung khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên cấp sơ thẩm không đình chỉ xét xử với phần này là phù hợp. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không nhận định về nội dung này là thiếu sót cần rút kinh nghiệm. Do đó, nội dung kháng nghị này không có căn cứ chấp nhận.

[4]. Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Trịnh Văn T: Ông T cho rằng việc cấp sơ thẩm chỉ tính lãi suất từ ngày 30/12/2018 đến ngày 10/01/2019 với tổng số tiền lãi 505.000 đồng là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Hội đồng xét xử thấy rằng nội dung kháng cáo này của ông T giống với nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Hội đồng xét xử đã nhận định ở mục [3.1] và có căn cứ nên cần chấp nhận kháng cáo của ông Trịnh Văn T.

[5]. Về án phí:

[5.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Bình T1, bà Hồ Thị H phải chịu 5.798.693 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 944.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0009142 ngày 09/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H'leo. Ông Trần Bình T1, bà Hồ Thị H tiếp tục nộp số tiền 4.854.693 đồng án phí DSST.

Ông Trịnh Văn T phải chịu 1.888.550 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án để miễn toàn bộ án phí DSST cho ông Trịnh Văn T. Ông Trịnh Văn T được nhận lại số tiền 3.112.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0009092 ngày 13/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

[5.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên nguyên đơn ông Trịnh Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí DSPT theo biên lai thu tiền số 0012122 ngày 12/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận việc kháng cáo của nguyên đơn ông Trịnh Văn T và một phần Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 60/2020/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 200; khoản 1, 2 Điều 284; khoản 2,3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 430; Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn T.

[1]. Buộc vợ chồng ông Trần Bình T1, bà Hồ Thị H liên đới trả cho ông Trịnh Văn T số tiền 115.973.867 đồng (trong đó: 90.930.000 đồng nợ gốc và 25.043.867 đồng tiền lãi suất).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là ông Trần Bình T1, bà Hồ Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2]. Chấp nhận đơn phản tố của ông Trần Bình T1.

Buộc ông Trịnh Văn T trả cho ông Trần Bình T1, bà Hồ Thị H số tiền

37.771.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi một ngàn đồng*) tiền chiết khấu sau khi ông Trần Bình T1, bà Hồ Thị Hoà thanh toán xong công nợ 115.973.867 đồng cho ông T.

[3]. Về án phí:

[3.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Bình T1, bà Hồ Thị H phải chịu 5.798.693 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 944.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0009142 ngày 09/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H. Ông Trần Bình T1, bà Hồ Thị H tiếp tục nộp số tiền 4.854.693 đồng án phí DSST.

Miễn tòa bộ án phí DSST cho ông Trịnh Văn T. Ông Trịnh Văn T được nhận lại số tiền 3.112.000 đồng tạm ứng án phí DSST theo biên lai số 0009092 ngày 13/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đắk Lắk

[3.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trịnh Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0012122 ngày 12/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, Điều 7, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
-;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn